

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước
(bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 2);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 112/TTr-SKHĐT ngày 19/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 2), cụ thể như sau:

I. Vốn Ngân sách Trung ương (bổ sung): 1.952.042 triệu đồng (Vốn trong nước: 1.783.982 triệu đồng; vốn nước ngoài: 168.060 triệu đồng), trong đó:

1. Phân bổ chi tiết (90%) là 1.455.589 triệu đồng (Vốn trong nước: 1.407.589 triệu đồng; vốn nước ngoài: 48.000 triệu đồng), trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.272.128 triệu đồng.

- Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 140 triệu đồng.

- Các Chương trình mục tiêu: 183.321 triệu đồng (Vốn trong nước: 135.321 triệu đồng; vốn nước ngoài: 48.000 triệu đồng), bao gồm:

+ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng: 30.000 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương: 35.321 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa: 30.000 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch: 40.000 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 48.000 triệu đồng (vốn nước ngoài).

2. Dự phòng 10% (cho cả 2 đợt giai đoạn 2016 – 2020) là 496.453 triệu đồng (Vốn trong nước: 376.393 triệu đồng; vốn nước ngoài: 120.060 triệu đồng), trong đó:

- Dự phòng cho chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 65.200 triệu đồng.

- Dự phòng cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 76.148 triệu đồng.

- Dự phòng cho Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 7.366 triệu đồng.

II. Vốn trái phiếu Chính phủ là 980.000 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ chi tiết (90%): 882.000 triệu đồng.

2. Dự phòng (10%): 98.000 triệu đồng.

(Các phụ lục I, II, III, IV đính kèm).

Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 – 2020 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Zu* *VB*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu: VT, K1. *ba*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



anh
Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Kèm theo Quyết định số 3515 /QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.952.042	1.783.982	168.060
A.1	PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)	1.455.589	1.407.589	48.000
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.272.128	1.272.128	
	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	586.800	586.800	
	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	685.328	685.328	
2	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	140	140	
3	Các chương trình mục tiêu	183.321	135.321	48.000
-	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	30.000	30.000	
-	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	35.321	35.321	
-	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	30.000	30.000	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch	40.000	40.000	
-	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	48.000		48000
A.2	DỰ PHÒNG 10%	496.453	376.393	120.060
	Trong đó:			
	Dự phòng cho chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	65.200	65.200	
	Dự phòng cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	76.148	76.148	

Zur

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	Dự phòng cho Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	7.366	7.366	
B	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	980.000	980.000	
	PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)	882.000	882.000	
	DỰ PHÒNG 10%	98.000	98.000	

Phụ lục II
DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 (Đợt 2)
Quyết định số **3515**/QĐ-UBND ngày **25/9/2017** của UBND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án		Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					295.483	201.929	23.000	23.000	135.321	
I	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng					91.294	54.929			30.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					91.294	54.929			30.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020					91.294	54.929			30.000	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Định	Quy Nhơn		2016-2020	2673/QĐ-CTUBND 05/11/2010; 3936a/QĐ-UBND 30/10/2015	91.294	54.929			30.000	
II	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa					91.690	53.000	23.000	23.000	30.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					91.690	53.000	23.000	23.000	30.000	
	Dự án nhóm B										
	Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung	Tây Sơn		2014-2018	2373/QĐ-CTUBND; 26/10/2012; 2678/QĐ-CTUBND; 31/12/2012	211.625	145.000				
	<i>Giai đoạn 1</i>	Tây Sơn		2016-2020	1466/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	91.690	53.000	23.000	23.000	30.000	
III	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch					44.999	40.000			40.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017					44.999	40.000			40.000	
	Dự án nhóm B										
	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1).	Tây Sơn		2016 - 2020	3587/QĐ-UBND 29/10/2014; 3932a/QĐ-UBND 30/10/2015	100.000	100.000				
	<i>Giai đoạn 1</i>	Tây Sơn		2016-2020	1463/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	44.999	40.000			40.000	
IV	Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống Y tế địa phương					67.500	54.000			35.321	
	Dự án khởi công mới năm 2017					67.500	54.000			35.321	
	Dự án nhóm B										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hoài Nhơn			3671/QĐ-BQP ngày 18/10/2016	67.500	54.000			35.321	

2m

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH
SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
VỐN NSTW (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 3545 /QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm			Lũy kế đã bố trí đến hết năm 2015 (Vốn nước ngoài)	Kế hoạch nước ngoài vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn nước ngoài			
	TỔNG SỐ					304.000	238.000	175.000	48.000	
	Dự án chuyển hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					304.000	238.000	175.000	48.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020									
	Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn đê ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại	TP Quy Nhơn, Tuy Phước và Phù Cát		2013-2016	1094, 31/5/2012 787, 01/4/2013	304.000	238.000	175.000	48.000	

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020 (đợt 2)
(Kèm theo Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	 Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017 - 2020 (không bao gồm dự phòng 10%)	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
							Tổng số			Trong đó: vốn TPCP
	TỔNG SỐ						1.085.431	980.000	882.000	
I	NGÀNH GIAO THÔNG						940.731	850.000	765.000	
	Nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn km113 - km145; phân đoạn km137+580 đến km143+787	TP Quy Nhơn	6,027 Km đường đô thị thứ yếu	2017 - 2020	201/HĐND ngày 9/12/2016	1144/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	940.731	850.000	765.000	
II	KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC						144.700	130.000	117.000	
	DỰ ÁN KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦU GIÁO, TIỂU HỌC TỈNH BÌNH ĐỊNH (Phân bổ 90%)	Toàn tỉnh	251	2017 - 2020	1112/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	1129/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	144.700	130.000	117.000	*

Ghi chú (): Theo Quyết định số 1215/QĐ-BKHDT ngày 01/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2017 (đợt 2) thì danh mục dự án "DỰ ÁN KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦU GIÁO, TIỂU HỌC TỈNH BÌNH ĐỊNH" là dự án "Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo - giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Bình Định (HM: XD 251 phòng học mầm non, tiểu học)"*

2m